

Số: **5936**/TTr-UBND

Đắk Nông, ngày **18** tháng 11 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất,
chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi
ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021**

Kính gửi: HĐND tỉnh.

Căn cứ Khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 quy định: UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2020

1.1. Kết quả thực hiện

Tổng số 238 công trình, dự án tại các huyện, thành phố đã được HĐND tỉnh thông qua, cụ thể:

- 139 dự án chuyển tiếp sang năm 2020.

- 69 dự án đăng ký mới năm 2020 (trong đó có 65 dự án thu hồi đất, 03 dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, 01 dự án xin chuyển mục đích rừng phòng hộ) được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 11/12/2019.

- 30 dự án bổ sung năm 2020 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/9/2020.

Tính đến thời điểm hiện tại việc thực hiện, cụ thể như sau:

Tổng số công trình, dự án đã và đang thực hiện là 152 công trình, dự án chiếm tỷ lệ 63,9 % (trong đó có 81 dự án đã thực hiện xong, 71 dự án đang thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2021); 80 dự án chưa thực hiện và xin chuyển tiếp sang năm 2021 chiếm tỷ lệ 33,6 %; 06 dự án không thực hiện hủy bỏ, chiếm tỷ lệ 2,6 %.

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện và nguyên nhân

Việc thực hiện các danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2020 đã được HĐND tỉnh thông qua vẫn còn thấp, cụ thể: Số công trình đã thực hiện xong huyện

Cư Jút đạt 9,5%, thành phố Gia Nghĩa đạt 17,5%, huyện Krông Nô đạt 33,3%...bởi các nguyên nhân khách quan, chủ quan như sau:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Trong quá trình triển khai thực hiện còn có nhiều khó khăn, vướng mắc như: Chủ sử dụng đất chưa đồng thuận với chủ trương thu hồi đất, việc xác định nguồn gốc sử dụng đất để vận dụng cơ chế chính sách bồi thường còn gặp khó khăn dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.

+ Nhiều dự án kêu gọi đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục, nhưng phụ thuộc vào nhu cầu, khả năng đầu tư của nhà đầu tư,... khi nhà đầu tư không bố trí được kinh phí sẽ dẫn đến chậm triển khai thực hiện.

+ Nhiều dự án đăng ký trong danh mục thu hồi đất căn cứ nguồn vốn bố trí theo giai đoạn nên chưa xác định cụ thể việc bố trí vốn để thực hiện dự án trong năm, dẫn đến chuyển tiếp.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ UBND các huyện, thành phố đăng ký nhiều dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương (vốn ngân sách huyện, thành phố) nhưng chưa cân đối được kinh phí thực hiện, dẫn đến kết quả thực hiện còn thấp. Bên cạnh đó, một số dự án công trình do các Sở, Ban, ngành đăng ký có sử dụng vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương nhưng vẫn còn chậm triển khai thực hiện.

+ Sự phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện các thủ tục liên quan để tiến hành bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được chặt chẽ dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.

+ Nguồn nhân lực còn mỏng trong khi khối lượng các dự án đăng ký thu hồi đất nhiều, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án, cũng như khả năng thực hiện.

II. Đăng ký danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021

2.1. Đăng ký danh mục

Căn cứ vào Kế hoạch bố trí vốn của Ngân sách Trung ương, kế hoạch mở mới các dự án năm 2021 từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương, các dự án sử dụng vốn chuyên ngành, các dự án kêu gọi đầu tư đã có chủ trương đầu tư cho doanh nghiệp để đăng ký Danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 như sau:

Tổng số dự án đăng ký thực hiện trong năm 2021: 232 dự án, cụ thể:

- 81 dự án đăng ký mới năm 2021 (trong đó có 64 dự án thu hồi đất, 04 dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, 11 dự án xin chuyển mục đích rừng phòng hộ, 02 dự án chuyển mục đích đất rừng đặc dụng) với diện tích đất cần thu hồi là: 434,18 ha, kinh phí dự kiến giải phóng mặt bằng là 416.890 triệu đồng; diện tích xin chuyển mục đích từ đất trồng lúa là 4,95 ha, diện tích đất

chuyển mục đích đất rừng phòng hộ 4,36 ha, diện tích đất chuyển mục đích đất rừng đặc dụng 0,5 ha.

- 151 dự án chuyển tiếp sang năm 2021 (trong đó có 04 dự án chuyển mục đích đất trồng lúa); với diện tích đất cần thu hồi là: 3.431,73 ha, diện tích chuyển mục đích từ đất trồng lúa là 13,34 ha, kinh phí dự kiến giải phóng mặt bằng là 5.082.698 triệu đồng.

Trong đó:

+ Thành phố Gia Nghĩa: 13 dự án, diện tích thu hồi 34,11 ha, dự kiến kinh phí bồi thường 94.400 triệu đồng.

+ Huyện Đắk Mil: 17 dự án, diện tích thu hồi 217,5 ha, dự kiến kinh phí bồi thường 117.330 triệu đồng.

+ Huyện Đắk Song: 8 dự án, trong đó có 7 dự án thu hồi đất với diện tích 23,5 ha, dự kiến kinh phí bồi thường 8.610 triệu đồng, 01 dự án chuyển mục đích đất rừng phòng hộ.

+ Huyện Krông Nô: 4 dự án thu hồi đất với diện tích 49,38 ha, dự kiến kinh phí bồi thường 24.200 triệu đồng.

+ Huyện Cư Júc: 10 dự án, trong đó có 05 dự án thu hồi đất với diện tích 8,67 ha, dự kiến kinh phí bồi thường 9.500 triệu đồng, 04 dự án chuyển mục đích đất lúa 01 vụ, 01 dự án chuyển mục đích đất rừng phòng hộ.

+ Huyện Đắk Glong: 13 dự án trong đó có 06 dự án thu hồi đất với diện tích 10,2 ha, dự kiến kinh phí bồi thường 14.000 triệu đồng, 05 dự án chuyển mục đích đất rừng phòng hộ, 02 dự án chuyển mục đích đất rừng đặc dụng.

+ Huyện Đắk R'lấp: 11 dự án, diện tích thu hồi 98,93 ha, dự kiến kinh phí bồi thường 148.350 triệu đồng.

+ Huyện Tuy Đức: 05 dự án, trong đó 01 dự án thu hồi đất với diện tích 0,2 ha, dự kiến kinh phí bồi thường 500 triệu đồng, 04 dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ.

(có phụ lục số 1,2 kèm theo)

Đối với các danh mục chuyển tiếp, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh biết, tiếp tục chỉ đạo thực hiện. Vì theo quy định tại Khoản 3, Điều 49 Luật Đất đai năm 2013, quy định: kế hoạch sử dụng đất được thực hiện trong 3 năm; nếu quá 3 năm mà không thực hiện thì thực hiện điều chỉnh, hủy bỏ.

(có Phụ lục số 3 kèm theo)

2.2. Giải pháp để thực hiện

- Tùy theo từng dự án mà có những giải pháp cụ thể để thực hiện danh mục do HĐND tỉnh thông qua như:


+ Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh đã ghi vốn thực hiện trong năm 2021 cần được bố trí đầy đủ, kịp thời.

+ Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách: UBND các huyện, thành phố quan tâm cân đối ngân sách để bố trí cho đảm bảo.

+ Đối với các dự án sử dụng vốn khác (vốn ngành điện, vốn Tập đoàn than khoáng sản, vốn kêu gọi đầu tư ...): chủ đầu tư chủ động bố trí vốn để thực hiện các dự án đã đăng ký.

- Bên cạnh đó, việc công khai danh mục dự án cần thu hồi đất được tiến hành với kế hoạch sử dụng đất hàng năm để người dân được biết; đồng thời tuyên truyền, vận động người dân hiểu mục đích thu hồi đất là để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật đất đai.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

(Có dự thảo Nghị quyết và các văn bản liên quan kèm theo) 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH, KTN(L).

01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hải

PHU LUC I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẢI THIỆN AN SINH KHU HỘI ĐẤT ĐÈ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG ĐĂNG KÝ MỜI NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 1038/UBND ngày 19 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Dự kiến kinh phí giải phóng mặt bằng (triệu)	Căn cứ pháp lý (Luật Đất đai năm 2013)	Nguồn vốn	Ghi chú
TỔNG TOÀN TỈNH			434,18	416.890			
I	Thành phố Gia Nghĩa		34,51	94.400,00			
1	Sửa chữa, cải tạo đường Quang Trung (đoạn từ giao với đường 3/2 đến giao với đường Đinh Tiên Hoàng), phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	0,75	4.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Công văn 1038/UBND-TCKH ngày 17/6/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021
2	Nâng cấp, mở rộng đường N'Trang Long đi khu tái định cư đồi Đák Nur A, phường Nghĩa Đức (đoạn từ giao với đường 23/3 đến giao với đường Lương Thế Vinh)	Phường Nghĩa Đức	0,05	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Quyết định 656/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021
3	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn Tò dân phố 1, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	0,56	3.600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Đang thẩm định chủ trương đầu tư

4	Sửa chữa, cải tạo đường Điện Biên Phủ, phường Nghĩa Trung (giai đoạn 1)	Phường Nghĩa Trung	0,70	3.100	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Công văn số 1889/UBND-TCKH, ngày 28/11/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021
5	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn Tò dân phố 5, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	6,30	8.600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Đang thẩm định chủ trương đầu tư
6	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Trung	2,30	13.000	Điểm b, Khoản 3 Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 61/NQ-HBND, ngày 22/9/2020 của HDND tỉnh
7	Di dời, tái định cư cho 212 hộ dân ở khu trung tâm thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	12,50	42.000	Điểm b, Khoản 3 Điều 62	Ngân sách trung ương và địa phương	Nghị quyết số 17/NQ-HBND ngày 23/4/2020 của HDND tỉnh
8	Nghĩa trang thôn Tân Phú	xã Đắk R'moan	4,00	5.000	Điểm b, Khoản 3 Điều 62	Ngân sách thành phố	Đang thẩm định chủ trương đầu tư
9	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HDND&UBND phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,40	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố	Công văn số 2151/UBND-QLDA&PTQD ngày 28/11/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa)
10	Di dời nghĩa địa Đồi Su, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	4,00	2.100	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh
11	Giải phóng mặt bằng phần đất dọc đường K2 tiếp giáp với Giáo xứ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	0,40	2.500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Công văn số 5139/UBND-KTN ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh

12	Công viên hoa Thanh niên và Khu vui chơi giải trí thanh thiếu nhi tỉnh Đắk Nông	Phường Nghĩa Tân	1,35	4.500	Điểm c, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông
13	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	Phường Nghĩa Đức	1,20	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông
II Huyện Đắk Mil			217,47	117.330			
1	Dự án ổn định dân di cư tự do tại 03 thôn: Tân Lập, Bắc Sơn, Tân Định, xã Đắk Gản, huyện Đắk Mil	Xã Đắk Gản	2,10	3.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách Trung ương	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông
2	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn Năm Tầng, xã Đắk RLa, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'nia huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Xã Đắk RLa	2,00	2.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông
3	Sửa chữa, nâng cấp đường Võ Thị Sáu	thị trấn Đắk Mil	0,50	1.600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện Đắk Mil
4	Sửa chữa, nâng cấp đường Lý Thái Tổ	thị trấn Đắk Mil	0,50	1.730	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND huyện Đắk Mil
5	Nâng cấp đường Nguyễn Tri Phương và Hai Bà Trưng	thị trấn Đắk Mil	0,91	2.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND huyện Đắk Mil

6	Dường liên xã Đức Minh - Thuận An	Đức Minh, Thuận An	3,90	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông
7	Dường liên xã Đắk RL.a đi Đắk N'Drot	Đắk RL.a, Đắk N'Drot	6,30	10.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông
8	Dường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ 3 (DT 683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	Thuận An, Đức Minh	4,80	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông
9	Khu liên hợp thể dục thể thao (giai đoạn 1)	TT Đắk Mil	36,00	20.000	Điểm c, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
10	Nâng cấp đường Cù Chính Lan; hạng mục: Vĩa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	thị trấn Đắk Mil	0,22	1.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
11	Tuyến đường giao thông trung tâm hành chính huyện Đắk Mil và các trục ngang (giai đoạn 1)	thị trấn Đắk Mil	16,90	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
12	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: nền đường, vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng	TT Đắk Mil, Thuận An	3,50	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
13	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	TT Đắk Mil, Đắk Lao	50,00	10.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
14	Khu trung tâm hành chính huyện	Xã Thuận An	60,00	20.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil

15	Hạ tầng cụm công nghiệp Thuận An (giai đoạn 2); hạng mục: Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng	Xã Thuận An	25,64	20.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
16	Dự án thủy điện Đắk Sôr 5	Xã Đắk Gản	4,10	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Vốn doanh nghiệp	Quyết định số 2104/QĐ-BCT, ngày 7/8/2020 của Bộ Công thương
17	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110Kv Krông Nô	xã Đức Mạnh, xã Đắk Sắk	0,10	1.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Vốn ngành điện	Quyết định số 8088/QĐ-EVNPCP, ngày 18/9/2020 của Tổng công ty điện lực Miền trung
III Huyện Đắk Song			23,50	8.610			
1	Trường Mầm non Vành Khuyên, hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng, Nhà bảo vệ	xã Đắk Hòa	0,30	800	Điểm a, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
2	Đường giao thông thôn Đắk Tiên di Năm N'Jang	xã Năm N'Jang	0,50	150	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
3	Đường giao thông thôn tổ dân phố 4 thị trấn Đức An	TDP4 thị trấn Đức An	1,40	0	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
4	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'drưng - Thuận Hà	xã Đắk N'drưng, xã Thuận Hà	1,20	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
5	Đường giao thông liên xã Năm N'Jang - Trường Xuân, huyện Đắk Song	xã Năm N'Jang, xã Đắk N'drưng	6,60	1.560	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
6	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song	thị trấn Đức An	8,40	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh

7	Dường giao thông liên xã Đắk Hòa, xã Đắk Mol, huyện Đắk Song	xã Đắk Mol, Đắk Hòa	5,10	600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
IV Huyện Krông Nô			49,37	24.200			
1	Trụ sở UBND thị trấn Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	0,30	600	Điểm a, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 84a/NQ-HĐND ngày 03/7/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
2	Trung tâm xã Đắk Nang	xã Đắk Nang	3,60	1.100	Điểm d, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát đo vẽ bản đồ địa hình lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/5000 khu trung tâm và điểm dân cư trên địa bàn xã Đắk Nang
3	Khuôn viên cây xanh	xã Đắk Drô	1,70	2.500	Điểm c, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Lấy từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất
4	Thủy điện Đắk Sor 5	Xã Đắk Sor, Nam Đà	43,77	20.000	Điểm b, Khoản 3, điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Quyết định số 2104/QĐ-BCT ngày 07/8/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung dự án thủy điện Đắk Sor 5 vào quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

V	Huyện Cư Jút		8,67	9.500,00			
1	Chợ đầu mối nông sản	xã Trúc Sơn	1,97	2.000	Điểm c, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh
2	Cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn huyện Cư Jút	xã Tâm Thắng, xã Trúc Sơn, thị trấn Ea Ting	2,00	2.000	Điểm d, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Công văn số 1936/UBND- TCKH ngày 07/7/2020 của UBND huyện Cư Jút về việc danh mục kêu gọi đầu tư
3	Mở đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bản dân tộc vùng thôn Nam Tầng, xã Đắk R'la, huyện Đắk M'li đi xã Cư Knia, huyện Cư Jút	xã Cư Knia	2,50	2.500	Điểm b, Khoản 3, điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Trường tiểu học và Trung học cơ sở chất lượng cao	Ea Ting và Tâm Thắng	2,00	2.000	Điểm a, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Công văn số 1168/UBND- TCKH ngày 27/04/2020 của UBND huyện Cư Jút về việc bổ sung danh mục các dự án kêu gọi đầu tư năm 2020-2025
5	Mở rộng Chi Cục thuế huyện	Thị trấn Ea Ting	0,20	1.000	Điểm a, Khoản 3, điều 63	Ngân sách huyện	
VI	Huyện Đắk Glong		10,20	14.000			
1	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hoà đi xã Quảng Sơn	Quảng Hoà	4,50	7.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Mở rộng Phân hiệu Trường Mẫu giáo Quảng Hoà	Quảng Hoà	0,60	1.000	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	UBND xã đăng ký tại Công văn số 183/UBND-ĐC ngày 02/10/2020

3	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Ha	Đắk Ha	2,50	3.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông
4	Trụ sở HĐND-UBND xã Đắk Ha	Đắk Ha	1,00	1.000	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông
5	Trụ sở HĐND-UBND xã Đắk Som	Đắk Som	0,40	500	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông
6	Trường THPT Đak Glong (giai đoạn 3)	Quảng Khê	1,20	1.500	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Thông báo số 49/TB-HĐND ngày 28/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
VII Huyện Đắk R'lấp			98,93	148.350			
1	Dự án đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (khu vực bị sạt lở)	Các xã trên địa bàn huyện	1,50	2.250	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	Giai quyết thu hồi đất các hộ dân nằm trong khu vực sạt lở
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông (Tuyến đường vận tải từ năm thứ 4 đến năm thứ 6).	xã Nghĩa Thắng, xã Đắk Wer	5,00	7.500	Điểm d, khoản 3, Điều 62	Vốn Tập đoàn than khoáng sản	Tập đoàn than khoáng sản đăng ký thực hiện theo kế hoạch
3	Trụ sở HĐND - UBND huyện Đắk R'lấp	TT Kiến Đức	1,40	2.100	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 và Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh
4	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8, xã Kiến Thành	TT Kiến Đức, xã Kiến Thành	4,00	6.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện

5	Dường giao thông liên xã Quảng Tín - Đăk Ngo huyện Tuy Đức	Xã Quảng Tín	0,50	750	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	TT Kiến Đức	2,00	3.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
7	Dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Đăk Nông	Các xã trên địa bàn huyện	0,20	300	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngành điện lực	Công ty điện lực đăng ký
8	Dự án Điểm dân cư số 3	TT Kiến Đức, xã Kiến Thành	82,00	123.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Đã có quy hoạch chi tiết, dự án nhằm kêu gọi đầu tư
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND - UBND, UBNDTTQVN xã Kiến Thành	Xã Kiến Thành	0,83	1.200	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
10	Đường từ Bon Đăk Blao đi Nông trường Echú Cap, huyện Đăk Rlăp	Xã Kiến Thành, TT Kiến Đức	1,00	1.500	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
11	Dự án Nhà máy điện gió Đăk N'Drưng 1, 2, 3 (hạng mục móng trụ đường dây điện)	Xã Đăk Wer, Nhân Cơ	0,50	750	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Nhà máy điện gió Đăk N'Drưng 1, 2, 3 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/9/2020
VIII	Huyện Tuy Đức		0,20	500			
1	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Quảng Tân	xã Quảng Tân	0,20	500	Điểm a, khoản 2, điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đăk Nông

(Ghi chú: diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần thu hồi đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 5036 /TTTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Nhu cầu chuyên mục đích sử dụng	Loại đất cần chuyển	Căn cứ pháp lý (Luật Đất đai năm 2013)	Ghi chú
I	Huyện Cư Jút					
1	Trung tâm văn hóa thể thao và công viên thiếu nhi huyện Cư Jút	Thị trấn Ea Tling	0,25	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
2	Mở rộng Chi Cục thuế huyện	Thị trấn Ea Tling	0,2	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
3	Dự án Nhà máy điện mặt trời Ea Tling	Thị trấn Ea Tling, xã Trúc Sơn	2,9	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
4	Dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Knia	Thị trấn Ea Tling, xã Trúc Sơn, xã Cư Knia	1,6	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	

5	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 03	xã Đák Wil	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
II Huyện Đăk Song						
1	Chốt dân quân thường trực xã Thuận Hạnh	xã Thuận Hạnh	2,04	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
III Huyện Tuy Đức						
1	Lô cốt 1A-95	xã Quảng Trục	0,0746	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Công văn số 1000/BCH-TM ngày 29/9/2020 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Tuy Đức
2	Chốt chiến đấu dân quân thường trực	xã Quảng Trục	0,0803	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
3	Khu sơ tán bí mật	xã Quảng Trục	0,0271	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 04	xã Đăk Búk So	0,55	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 04	xã Đăk Búk So	0,06	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
IV Huyện Đăk Glông						
1	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 02	Khoánh 4, Tiểu khu 1716, xã Đăk Ha	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 03	Khoánh 7, Tiểu khu 1697, xã Đăk Ha	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh

3	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 01	Khoảnh 4, Tiểu khu 1792, xã Đắc Sơn	0,25	Đất rừng Đặc dụng	Điểm b Khoản 1 Điều 58
4	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 05 (Trạm Tây Sơn)	Khoảnh 2, Tiểu khu 1757, xã Đắc Sơn	0,25	Đất rừng Đặc dụng	Điểm b Khoản 1 Điều 58
5	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 08	Khoảnh 5, Tiểu khu 1657, xã Quảng Sơn	0,04	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58
6	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 01	Khoảnh 2, Tiểu khu 1752, xã Đắc R' măng	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58
7	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 02	Khoảnh 1, Tiểu khu 1721, xã Đắc R' măng	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58

(Ghi chú: diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần thu hồi đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP SANG NĂM 2021
(Kèm theo Tờ trình số 5036 /Tr-UBND ngày 17 tháng 1 năm 2020 của UBND tỉnh)

A. CÁC DỰ ÁN CÂN THU HỜI ĐẤT ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG

Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Nguồn vốn	Ghi chú
TỔNG TOÀN TỈNH		3.431,73	5.082.698	
I Thành phố Gia Nghĩa		1.420,56	3.848.468	
1 Dự án Trạm biến áp 110kv Gia Nghĩa và đầu nối	Phường Nghĩa Trung, Nghĩa Phú, Nghĩa Tân, xã Đắk Nĩa	1,00	1.000	Vốn ngành điện
2 Hội trường các tổ dân phố	Các phường, xã	0,40	800	Ngân sách thành phố
3 Mở rộng trường THCS Lê Hồng Phong	Phường Nghĩa Thành	0,60	4.100	Ngân sách thành phố
4 Tiểu dự án giảm cường độ phát tải trong cung cấp năng lượng tỉnh Đắk Nông (diện tích chiếm đất vĩnh viễn)	Xã Đắk Nĩa, xã Đắk R'moan	0,01	200	Vốn ngành điện
5 Taluy bảo vệ đường Võ Văn Kiệt (hành lang an toàn công trình đường Võ Văn Kiệt)	Phường Nghĩa Trung	0,06	100	Ngân sách thành phố
6 Đầu tư sản xuất và chế biến nông nghiệp tập	xã Đắk Nĩa	10,00	12.000	Vốn ngoài ngân sách
7 Khu dân cư đường Quang Trung tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	2,95	1.770	Ngân sách thành phố
8 Dự án kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Phú	55,00	72.144	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
9 Hồ Gia Nghĩa (cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa giai đoạn 2)	thành phố Gia Nghĩa	63,50	378.000	Trái phiếu chính phủ

10	Trường cao đẳng cộng đồng (quy mô mở rộng quy hoạch)	Phường Nghĩa Trung	5,00	15.700	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh
11	Tuyến nhánh Kết nối đường tránh đô thị Gia Nghĩa (thuộc dự án đường Bắc Nam giai đoạn 2 từ Km 1+900 đến Km 4+300)	Phường Nghĩa Trung	12,00	70.000	Vốn từ đường tránh đô thị Gia Nghĩa chuyển sang
12	Đường Tô Hiến Thành (nối trung tâm Tx Gia Nghĩa đến đường Quang Trung)	Phường Nghĩa Tân	1,00	7.300	Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố
13	Đường bờ Tây Hồ trung tâm và khu tái định cư	Phường Nghĩa Thành	17,00	45.300	Ngân sách trung ương
14	Đường bờ Đông hồ trung tâm	Phường Nghĩa Đức	34,00	43.000	Ngân sách trung ương
15	Nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch	xã Đăk Nia	4,00	4.000	Vốn đối ứng trong nước
16	Khu đô thị mới số 01 dọc đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Trung	17,74	40.000	Vốn ngoài ngân sách
17	Khu đô thị mới số 2, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	87,62	140.000	Vốn ngoài ngân sách
18	Khu đô thị mới số 6, khu vực Sùng Đức	Phường Nghĩa Tân	25,47	60.000	Vốn ngoài ngân sách
19	Khu đô thị mới tổ 3, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	47,77	90.000	Vốn ngoài ngân sách
20	Khu đô thị mới tổ 5, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	19,08	40.000	Vốn ngoài ngân sách
21	Khu đô thị mới Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	44,68	100.000	Vốn ngoài ngân sách
22	Chợ và khu dân cư Sùng Đức, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	7,10	28.000	Vốn ngoài ngân sách
23	Phân lô TĐC đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Trung	0,08	2.000	Ngân sách tỉnh
24	Khu đô thị mới số 3, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	48,00	100.000	Vốn ngoài ngân sách
25	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê, tỉnh Đăk Nông	thành phố Gia Nghĩa	55,00	41.500	Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác
26	Trường tiểu học phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	1,00	1.000	Ngân sách thành phố
27	Trường THCS phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	2,00	2.000	Ngân sách thành phố
28	Trường Mầm non Nghĩa Tín	Phường Quảng Thành	1,00	1.000	Ngân sách thành phố

29	Trường Mầm non xã Đắk Nĩa	Xã Đắk Nĩa	1,00	1.000	Ngân sách thành phố	
30	Trạm y tế phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,40	2.000	Nguồn vốn tài trợ ADB	
31	Nâng cấp cải tạo đường Chu Văn An, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Thành	0,45	12.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
32	Đường vào trường tiểu học phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	0,15	350	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
33	Hạ tầng công viên Hồ Thiên Nga	Phường Nghĩa Thành	29,49	40.000	Ngân sách tỉnh, thành phố và vốn ngoài ngân sách	
34	Mở rộng Giáo xứ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	0,60	2.000	Ngân sách tỉnh	
35	Khu đô thị mới bờ đông hồ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	243,00	480.000	Vốn ngoài ngân sách	
36	Công viên văn hóa kết hợp du lịch sinh thái thác Liêng Nung	Xã Đắk Nĩa	330,00	500.000	Vốn ngoài ngân sách	
37	Khu đô thị mới tổ 1, phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	1,00	5.000	Vốn ngoài ngân sách	
38	Công trình chống quá tải lưới điện khu vực thành phố Gia Nghĩa	Trên địa bàn thành phố	0,30	2.000	Vốn ngành điện	
39	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố	Phường Nghĩa Trung, Phường Nghĩa Phú, xã Đắk Nĩa	0,20	2.000	Vốn ngành điện	
40	Xây dựng hệ thống cửa xả thoát nước tại km 839+100 (bên phải tuyến) thôn Tân Lập, xã Quảng Thành thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thuộc dự án: Nâng cấp mở rộng QL 14 đoạn km 817-Km887 theo hình thức BOT	Xã Quảng Thành	0,04	200	Vốn ngoài ngân sách	
41	Khu đô thị mới tổ dân phố 6, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	44,00	100	Vốn ngoài ngân sách	
42	Sửa chữa, cải tạo đường vào trường THCS Trần Phú (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường bờ tây Hồ Trung tâm), phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,75	6.304	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	

43	Hoa viên xã Quảng Thành	Phường Quảng Thành	0,04	800	Ngân sách thành phố	
44	Khu đô thị mới tổ 4, phường Nghĩa Đức (Khu đô thị mới Center City)	Phường Nghĩa Đức	70,76	177.000	Vốn ngoài ngân sách	
45	Khu đô thị mới dọc tuyến nhánh kết nối đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Nghĩa Tân, Nghĩa Trung	63,00	160.000	Vốn ngoài ngân sách	
46	Sửa chữa nâng cấp đường Ngô Mây (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đoạn tiếp giáp với đường vào khu đất đảo nổi Hồ Gia Nghĩa), phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,75	8.800	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
47	Nâng cấp cải tạo đường vào Nghĩa Trang Nhân dân thành phố Gia Nghĩa	Xã Đăk Nia	0,75	1.500	Ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
48	Hạ tầng khu dân cư và du lịch sinh thái tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	11,00	40.000	Nhà đầu tư ứng tiền	
49	Khu đô thị mới tổ dân phố 2 phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	6,91	15.000	Vốn ngoài ngân sách	
50	Di dời nghĩa địa tổ dân phố 2, phường Nghĩa Phú (bùng bình Hồ Đại La)	Phường Nghĩa Phú	1,60	8.000	Ngân sách thành phố	
51	Khu đô thị mới tổ dân phố 1, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	33,00	120.000	Vốn ngoài ngân sách	
52	Trường mầm non Tân Lập Thành (mở rộng)	Phường Nghĩa Trung	0,50	1.000	Ngân sách thành phố	
53	Chợ phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	5,00	794.000	Vốn ngoài ngân sách	
54	Chợ xã Đăk Nia	xã Đăk Nia	2,00	150.000	Vốn ngoài ngân sách	
55	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020	Phường Quảng Thành	0,10	200	Vốn ngành điện	
56	Dự án thủy điện Bảo Lâm	Xã Đăk Nia	4,90	5.000	Vốn ngoài ngân sách	
57	Đường từ thôn Nghĩa Tín, xã Quảng Thành đi phường Nghĩa Đức (giai đoạn 2)	Phường Nghĩa Đức	1,85	4.800	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	

58	Nâng cấp, mở rộng đường giao với đường giao với đường N'Trang Long đi khu tái định cư đồi Đắc Nur A, phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	2,25	3.500	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
59	Dự án Khu liên hợp Bảo tàng, thư viện và công viên tỉnh Đắc Nông (mở rộng)	Phường Nghĩa Đức	1,70	5.000	Ngân sách tỉnh
II Huyện Đắc Mil			68,60	52.400	
1	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắc Mil	Thị trấn Đắc Mil	2,00	3.000	Ngân sách Trung ương
2	Hồ thủy lợi Đắc Klo Ou	Xã Đắc Lao	16,50	15.000	Ngân sách Trung ương
3	Hồ Đắc Louu	Xã Đắc Lao	1,20	1.000	Ngân sách tỉnh
4	Thủy điện Đắc Sờ 4	xã Đắc R'La, xã Đắc Gản	34,70	24.000	Vốn ngoài ngân sách
5	Nâng cấp đường Nơ Trang Long	Thị trấn Đắc Mil	1,00	2.000	Ngân sách huyện
6	Bãi rác tập trung huyện Đắc Mil	Xã Đắc Lao	12,00	5.000	Ngân sách tỉnh
7	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020	Huyện Đắc Mil	1,00	2.000	Ngân sách Trung ương
8	Đường liên xã Đắc Lao - Thuận An (Hạng mục: nương thu gom nước và hạ lưu công xã)	Xã Đắc Lao	0,20	400	Ngân sách huyện
III Huyện Đắc Song			259,00	165.330	
1	Đường giao thông tổ dân phố 3, thị trấn Đức An (Phía Nam)	Thị trấn Đức An	0,38	500	Ngân sách huyện

2	Đường giao thông liên xã Nam Bình – Thuận Hạnh	Các xã: Nam Bình Thuận Hạnh	0,50	1.000	Ngân sách tỉnh	
3	Nhà văn hóa Thuận Hà, huyện Đăk Song	Xã Thuận Hà	0,20	600	Ngân sách huyện	
4	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Năm N' Jang, huyện Đăk Song	Xã Năm N' Jang	0,14	230	Ngân sách Trung ương (vốn vay WB), Ngân sách tỉnh, Ngân sách huyện đối ứng 10%	
5	Nhà máy điện gió Đăk N' Drung 1,	Xã Đăk N' Drung, Năm N' Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,50	40.000	Vốn ngoài ngân sách	
6	Nhà máy điện gió Đăk N' Drung 2	Xã Đăk N' Drung, Năm N' Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,80	40.000		
7	Nhà máy điện gió Đăk N' Drung 3	Xã Đăk N' Drung, Năm N' Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,65	40.000		
8	Nhà máy điện gió Asia Đăk Song 1	Xã Nam Bình	22,70	15.000		
9	Nhà máy điện gió Nam Bình 1	Xã Nam Bình	19,50	13.000		
10	Nhà máy điện gió Đăk Hòa	Xã Đăk Hòa	21,63	15.000		
IV	Huyện Krông Nô		234,98	89.005		
1	Chinh trang khu dân cư đô thị	Thị trấn Đăk Mâm	3,00	3.000	Ngân sách huyện	
2	Chinh trang khu dân cư nông thôn	xã Nam Xuân	1,50	600	Ngân sách huyện	

3	Chợ xã	xã Nam Xuân	0,50	200	Ngân sách huyện	
4	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho các hộ bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	xã Đức Xuyên	6,80	4.500	Ngân sách tỉnh	
5	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắk Drô	xã Nam Đà, xã Đắk Drô	3,60	1.000	Ngân sách tỉnh	
6	Cải tạo và phát triển lưới điện trung áp khu vực trung tâm huyện, thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông	các xã trên địa bàn huyện, thành phố	0,25	300	Vốn ngành điện	
7	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán (Dự án Trạm bơm Buôn Choáh 2, 5; Trạm bơm Đắk Rền 1A, 2, 3, 4, 5	Trên toàn huyện	7,25	4.460	Ngân sách TW	
8	Cống, rãnh thoát nước từ Đai truyền thanh xuống đường Quang Trung và đến hệ thống cống thoát nước đường Kim Đồng (N4.1)	thị trấn Đắk Mâm	0,40	300	Ngân sách huyện	
9	Rãnh thoát nước tại hạ lưu cống Km số 281+550 và Km số 281+945 quốc lộ 28 (đoạn qua địa bàn Năm N'Dir, huyện Krông Nô)	Năm N'Dir	0,19	200	Ngân sách huyện	
10	Mở rộng bãi rác	thị trấn Đắk Mâm	5,00	4.000	Ngân sách huyện	
11	Thủy điện Đắk Sôr 4	xã Nam Xuân	18,00	10.000	Vốn ngoài ngân sách	
12	Mở rộng trạm Y tế xã Năm N'Dir	xã Năm N'Dir	0,04	100	Ngân sách huyện	

13	Hồ chứa nước Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông (hệ thống kênh/đường ống)	huyện Krông Nô	20,20	23.000	Vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác
14	Kè bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô	xã Nam N'Dir	6,50	5.000	Ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác
15	Ôn định dân di cư tự do xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.	xã Quảng Phú	6,00	4.500	Ngân sách Trung ương
16	Công trình cấp nước xã Quảng Phú - Đắk Nang	xã Đắk Nang	0,20	195	Vốn WB và vốn tỉnh
17	Hội trường thôn Đắk Thanh	xã Nam Xuân	0,15	150	Ngân sách xã và nhân dân đóng góp
18	Hoàn thiện lưới điện trung áp 110 Kv Krông Nô	thị trấn Đắk Mâm, xã Nam Xuân, xã Tân Thành	0,10	100	Vốn ngành điện
19	Kè chống sạt lở Đắk Nang	xã Đắk Nang	1,50	1.000	Ngân sách Trung ương
20	Dự án nhà máy điện mặt trời Xuyên Hà	xã Đức Xuyên	148,70	23.000	Vốn ngoài ngân sách
21	Trung tâm xã Đức Xuyên	xã Đức Xuyên	2,60	2.200	Ngân sách huyện
22	Sân vận động xã	xã Quảng Phú	1,50	200	Ngân sách huyện
23	Nâng cấp đường tỉnh lộ 4 (QL 28) đoạn nội thị trấn Đắk Mâm và đoạn nối dài, huyện Krông Nô	thị trấn Đắk Mâm, xã Nam Đà	1,00	1.000	Ngân sách Trung ương
V	Huyện Cư Jút		371,40	109.700	

1	Đường giao thôn tổ dân phố 7, 8, thị trấn Ea Tling	thị trấn Ea Tling	0,50	425	Ngân sách huyện
2	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn, Cư Knia, Đăk Drông	xã Trúc Sơn, xã Cư Knia, xã Đăk Drông	3,07	1.995	Ngân sách trung ương
3	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk	xã Ea Pô	10,00	2.000	Ngân sách trung ương
4	Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea Tling	thị trấn Ea Tling	11,65	14.500	Ngân sách huyện
5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng xã Trúc Sơn	xã Trúc Sơn	3,00	2.000	Ngân sách huyện
6	Đất tôn giáo trên địa bàn huyện	Toàn huyện	3,00	1.000	Ngân sách huyện
7	Khu nhà ở xã hội tại Tổ dân phố 7,8 thị trấn Ea Tling	thị trấn Ea Tling	9,85	7.200	Vốn ngoài ngân sách
8	Đường bên cạnh trường Nguyễn Tất thành (mới) đi Ngã 3 thôn 5 (cây xăng Anh Tuấn)	xã Nam Dong	0,70	595	Ngân sách huyện
9	Đường từ đường vào UBND xã Nam Dong (mới) đi đến ngã 4 bên cạnh nhà thờ xã Nam	xã Nam Dong	1,60	1.360	Ngân sách huyện
10	Đường nội thị trấn Ea Tling theo quy hoạch đô thị Ea Tling đến năm 2030	thị trấn Ea Tling	7,50	5.850	Ngân sách huyện
11	Đất xây dựng hạ tầng y tế	thị trấn Ea Tling	5,53		Vốn ngoài ngân sách
12	Khu dân cư tập trung chợ xã Đăk Drông	xã Đăk Drông	1,50	675	Ngân sách huyện
13	Mở rộng Nghĩa địa thôn 3 xã Đăk Wil	xã Đăk Wil	2,00	700	Ngân sách huyện
14	Trung tâm văn hóa thể thao và công viên thiếu nhi huyện Cư Jút	Thị trấn Ea Tling	2,00	2.400	Ngân sách huyện
15	Dự án điện mặt trời thị trấn Ea Tling	xã Trúc Sơn, Thị trấn Ea Tling	92,50	28.000	Vốn ngoài ngân sách
16	Dự án điện mặt trời Cư Knia	xã Trúc Sơn, xã Cư Knia, thị trấn Ea	217,00	41.000	Vốn ngoài ngân sách
VI	Huyện Đăk Glông		19,35	21.800	

1	Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	xã Đắk Ha	0,69	500	Ngân sách huyện	
2	Chợ trung tâm Đắk Nang (xã Đắk Som)	xã Đắk Som	1,20	700	Ngân sách huyện	
3	Tái định cư xen ghép	xã Đắk Som	5,00	1.500	Vốn ngành điện	
4	Đường vào Ngân hàng chính sách huyện	xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
5	Đường vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
6	Đường vào Chi cục thuế huyện Đắk Glong	xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
7	Các trục đường khu Trung tâm hành chính huyện Đắk Glong	xã Quảng Khê	12,00	18.000	Ngân sách Trung ương	
8	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	xã Quảng Khê	0,16	200	Ngân sách huyện	
VII	Huyện Đắk R'lấp		483,58	729.500		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7, năm thứ 8)	huyện Đắk R'lấp	189,57	285.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
2	Dự án xây dựng công trình Khoang số 3 hồ bùn đỏ phục vụ duy trì sản xuất nhà máy Alumin Nhân Cơ	Xã Nhân Đạo	10,00	15.000	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
3	Bãi xử lý rác thải sinh hoạt huyện Đắk R'lấp	Xã Đạo Nghĩa	18,20	27.000	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
4	Nhà ở xã hội huyện Đắk R'lấp	Xã Nhân Cơ	10,00	15.000	Vốn ngoài ngân sách	
5	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014-2020	Huyện Đắk R'lấp	1,00	1.500	Vốn ngoài ngân sách	
6	Dự án Tái định cư	Huyện Đắk R'lấp	20,00	30.000		

7	Dự án đường nội thị thị trấn Kiến Đức	Huyện Đắk R'lấp	2,00	3.000	Vốn ngân sách huyện	
8	Dự án đập hồ thải bùn sau tuyển rửa quặng số 2, phục vụ nhà máy Alumin Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp	200,00	300.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
9	Dự án đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành, xã Nhân Cơ, xã Nhân Đạo	7,50	15.000	Vốn ngân sách tỉnh	
10	Dự án Thủy điện Đắk R'Keh	Xã Hưng Bình, xã Đắk Sin	21,00	31.500	vốn ngoài ngân sách	
11	Dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp, trung tâm huyện lỵ, thị xã thuộc tỉnh Đắk	huyện Đắk R'lấp	0,31	500	Vốn ngân sách huyện	
12	Hạng mục thu hồi xử lý sạt lở và trồng cây xanh, công trình hồ thải bùn đỏ thuộc dự án Alumin Nhân Cơ	Xã Nhân Cơ, Nhân Đạo	2,50	3.750	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
13	Dự án đầu tư nâng cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia	Huyện Đắk R'lấp	1,00	1.500	Vốn ngành điện lực	
14	Dự án T rạm biến áp 110 kV Gia Nghĩa và đầu nối	Xã Nhân Cơ	0,50	750	Vốn ngành điện lực	
15	Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2	Xã Nhân Cơ	50,00	75.000	Vốn ngoài ngân sách	
VIII	Huyện Tuy Đức		574,27	155.500		
1	Đường vào xã Đắk Ngo	Xã Quảng Tâm, xã Đắk Ngo	10,00	7.000	Ngân sách Trung ương	
2	Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trực (giai đoạn 2)	Xã Quảng Trực	458,41	31.000	Ngân sách Trung ương	
3	Nâng cấp, mở rộng đường QL 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ Km3-Km17 của Tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắk Huyết)	Xã Đắk Buk So- Quảng Trực, huyện Tuy Đức	101,50	100.000	Vốn đối ứng trong nước	

4	Giải phóng mặt bằng phạm vi thương hạ lưu công trình thoát nước và các vị trí tụ thủy trên đường tỉnh lộ 1 đoạn qua huyện Tuy Đức	Xã Quảng Tâm - Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức	0,10	250	Ngân sách huyện	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 1 (Hạng mục: xây dựng mương thoát nước)	Xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	1,00	1.500	Ngân sách tỉnh	
6	Đường nối từ Quốc lộ 14C đi trung tâm hành chính huyện Tuy Đức	Xã Đăk Buk So - Quảng Trục, huyện Tuy Đức	2,40	15.000	Ngân sách tỉnh	
7	TBA 110kV Tuy Đức và đầu nối	Xã Đăk Buk So	0,66	500	Vốn ngành điện	
8	Đường giao thông thôn 2, xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức	Xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức	0,20	250	Ngân sách huyện	

B. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Tên công trình	Địa điểm	Nhu cầu chuyên mục đích sử dụng	Loại đất cần chuyển	Căn cứ pháp lý (Luật Đất đai năm 2013)	Ghi chú
I	Huyện Cư Jút					
2	Khu nhà ở xã hội tổ dân phố 7, 8 thị trấn: Ea T'ling	Ea T'ling	9	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp
3	Nhà máy sản xuất gạch không nung tại thôn 15, Nam Dong	Nam Dong	2,3	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp
6	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở trong khu dân cư thị trấn	thị trấn Ea T'ling	0,5	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	chuyển tiếp
II	Huyện Krông Nô					
1	Trung tâm xã Đức Xuyên	xã Đức Xuyên	1,54	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thông qua Danh mục bổ sung dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn: tỉnh Đắk Nông năm 2020; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp ngày tháng năm 2020.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021, như sau:

1. Thông qua danh mục 64 công trình, dự án thu hồi đất năm 2021 với diện tích cần thu hồi là 434,18 ha.

(Có phụ lục số 1 kèm theo)

2. Thông qua danh mục 17 công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 với tổng diện tích là 9,81 ha, trong đó: Chuyển mục đích đất trồng lúa với diện tích 4,95 ha; chuyển mục đích đất

rừng phòng hộ với diện tích 4,36 ha; chuyển mục đích đất rừng đặc dụng với diện tích 0,5 ha.

(có phụ lục số 2 kèm theo)

3. Đối với các danh mục công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2021: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.

(có Phụ lục số 3 kèm theo)

Điều 2. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo HĐND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện.

Công khai danh mục các công trình, dự án trong Danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, các huyện, thành phố, trụ sở làm việc của UBND các xã, phường, thị trấn nơi có dự án để người dân theo dõi, giám sát theo quy định.

Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Đắk Nông Khóa III, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: TN&MT, TC, KH&ĐT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT; Trung tâm lưu trữ trực tỉnh;
- Lưu: VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH

PHU LUC I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG ĐĂNG KÝ MỜI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Dự kiến kinh phí giải phóng mặt bằng (triệu)	Căn cứ pháp lý (Luật Đất đai năm 2013)	Nguồn vốn	Ghi chú
TỔNG TOÀN TỈNH			434,18	416.890			
1	Thành phố Gia Nghĩa		34,51	94.400,00			
1	Sửa chữa, cải tạo đường Quang Trung (đoạn từ giao với đường 3/2 đến giao với đường Đinh Tiên Hoàng), phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	0,75	4.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Công văn 1038/UBND-TCKH ngày 17/6/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021
2	Nâng cấp, mở rộng đường N'Trang Long đi khu tái định cư đồi Đăk Nur A, phường Nghĩa Đức (đoạn từ giao với đường 23/3 đến giao với đường Lương Thế Vinh)	Phường Nghĩa Đức	0,05	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Quyết định 656/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021
3	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn Tò dân phố 1, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	0,56	3.600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Đang thẩm định chủ trương đầu tư

4	Sửa chữa, cải tạo đường Điện Biên Phủ, phường Nghĩa Trung (giai đoạn 1)	Phường Nghĩa Trung	0,70	3.100	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Công văn số 1889/UBND-TCKH, ngày 28/11/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021
5	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn T ổ dân phố 5, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	6,30	8.600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Đang thẩm định chủ trương đầu tư
6	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Trung	2,30	13.000	Điểm b, Khoản 3 Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND, ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
7	Di dời, tái định cư cho 212 hộ dân ở khu trung tâm thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	12,50	42.000	Điểm b, Khoản 3 Điều 62	Ngân sách trung ương và địa phương	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/4/2020 của HĐND tỉnh
8	Nghĩa trang thôn Tân Phú	xã Đắk R'moan	4,00	5.000	Điểm b, Khoản 3 Điều 62	Ngân sách thành phố	Đang thẩm định chủ trương đầu tư
9	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND&UBND phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,40	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố	Công văn số 2151/UBND-QLDA&PTQĐ ngày 28/11/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa)
10	Di dời nghĩa địa Đồi Su, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	4,00	2.100	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh
11	Giải phóng mặt bằng phần đất dọc đường K2 tiếp giáp với Giáo xứ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	0,40	2.500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Công văn số 5139/UBND-KTN ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh

12	Công viên hoa Thanh niên và Khu vui chơi giải trí thanh thiếu nhi tỉnh Đắk Nông	Phường Nghĩa Tân	1,35	4.500	Điểm c, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông
13	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	Phường Nghĩa Đức	1,20	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông
II Huyện Đắk Mil			217,47	117.330			
1	Dự án ổn định dân di cư tự do tại 03 thôn: Tân Lập, Bắc Sơn, Tân Định, xã Đắk Gản, huyện Đắk Mil	Xã Đắk Gản	2,10	3.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách Trung ương	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông
2	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn Năm Tầng, xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'nha huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Xã Đắk R'La	2,00	2.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông
3	Sửa chữa, nâng cấp đường Võ Thị Sáu	thị trấn Đắk Mil	0,50	1.600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện Đắk Mil
4	Sửa chữa, nâng cấp đường Lý Thái Tổ	thị trấn Đắk Mil	0,50	1.730	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND huyện Đắk Mil
5	Nâng cấp đường Nguyễn Tri Phương và Hai Bà Trưng	thị trấn Đắk Mil	0,91	2.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND huyện Đắk Mil

6	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An	Đức Minh, Thuận An	3,90	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông
7	Đường liên xã Đắk RLà đi Đắk N'Drot	Đắk RLà, Đắk N'Drot	6,30	10.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông
8	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ 3 (DT 683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	Thuận An, Đức Minh	4,80	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông
9	Khu liên hợp thể dục thể thao (giai đoạn 1)	TT Đắk Mil	36,00	20.000	Điểm c, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
10	Nâng cấp đường Cù Chính Lan; hạng mục: Vĩa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	thị trấn Đắk Mil	0,22	1.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
11	Tuyến đường giao thông trung tâm hành chính huyện Đắk Mil và các trục ngang (giai đoạn 1)	thị trấn Đắk Mil	16,90	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
12	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: nền đường, vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng	TT Đắk Mil, Thuận An	3,50	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
13	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	TT Đắk Mil, Đắk Lao	50,00	10.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
14	Khu trung tâm hành chính huyện	Xã Thuận An	60,00	20.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil

15	Hạ tầng cụm công nghiệp Thuận An (giai đoạn 2); hạng mục: Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng	Xã Thuận An	25,64	20.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
16	Dự án thủy điện Đắk Sôr 5	Xã Đắk Găn	4,10	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Vốn doanh nghiệp	Quyết định số 2104/QĐ-BCT, ngày 7/8/2020 của Bộ Công thương
17	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô	xã Đức Mạnh, xã Đắk Sắk	0,10	1.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Vốn ngành điện	Quyết định số 8088/QĐ-EVNPC, ngày 18/9/2020 của Tổng công ty điện lực Miền trung
III Huyện Đắk Song			23,50	8.610			
1	Trường Mầm non Vành Khuyên, hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng, Nhà bảo vệ	xã Đắk Hòa	0,30	800	Điểm a, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
2	Dường giao thông thôn Đắk Tiên đi Năm N'Jang	xã Năm N'Jang	0,50	150	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
3	Dường giao thông thôn tổ dân phố 4 thị trấn Đức An	TDP4 thị trấn Đức An	1,40	0	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
4	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'đrưng - Thuận Hà	xã Đắk N'đrưng, xã Thuận Hà	1,20	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
5	Dường giao thông liên xã Năm N'Jang - Trường Xuân, huyện Đắk Song	xã Năm N'Jang, xã Đắk N'đrưng	6,60	1.560	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
6	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song	thị trấn Đức An	8,40	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh

7	Dường giao thông liên xã Đắk Hòa, xã Đắk Mol, huyện Đắk Song	xã Đắk Mol, Đắk Hòa	5,10	600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
IV Huyện Krông Nô			49,37	24.200			
1	Trụ sở UBND thị trấn Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	0,30	600	Điểm a, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 84a/NQ-HĐND ngày 03/7/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
2	Trung tâm xã Đắk Nang	xã Đắk Nang	3,60	1.100	Điểm d, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát đo vẽ bản đồ địa hình lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/5000 khu trung tâm và điểm dân cư trên địa bàn xã Đắk Nang
3	Khuôn viên cây xanh	xã Đắk Drô	1,70	2.500	Điểm c, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Lấy từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất
4	Thủy điện Đắk Sor 5	Xã Đắk Sor, Nam Pà	43,77	20.000	Điểm b, Khoản 3, điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Quyết định số 2104/QĐ-BCT ngày 07/8/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung dự án thủy điện Đắk Sor 5 vào quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

V	Huyện Cư Jút		8,67	9.500,00			
1	Chợ đầu mối nông sản	Xã Trúc Sơn	1,97	2.000	Điểm c, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh
2	Cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn huyện Cư Jút	Xã Tâm Thắng, Xã Trúc Sơn, thị trấn Ea Tling	2,00	2.000	Điểm d, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Công văn số 1936/UBND- TCKH ngày 07/7/2020 của UBND huyện Cư Jút về việc danh mục kêu gọi đầu tư
3	Mở đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bản dân tộc vùng thôn Năm Tầng, xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil đi xã Cư Knia, huyện Cư Jút	Xã Cư Knia	2,50	2.500	Điểm b, Khoản 3, điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Trường tiểu học và Trung học cơ sở chất lượng cao	Eatling và Tâm Thắng	2,00	2.000	Điểm a, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Công văn số 1168/UBND- TCKH ngày 27/04/2020 của UBND huyện Cư Jút về việc bổ sung danh mục các dự án kêu gọi đầu tư năm 2020-2025
5	Mở rộng Chi Cục thuế huyện	Thị trấn Ea Tling	0,20	1.000	Điểm a, Khoản 3, điều 63	Ngân sách huyện	
VI	Huyện Đắk Glong		10,20	14.000			
1	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hoà đi xã Quảng Sơn	Quảng Hoà	4,50	7.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Mở rộng Phân hiệu Trường Mẫu giáo Quảng Hoà	Quảng Hoà	0,60	1.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	UBND xã đăng ký tại Công văn số 183/UBND-ĐC ngày 02/10/2020

3	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Ha	Đắk Ha	2,50	3.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông
4	Trụ sở HĐND-UBND xã Đắk Ha	Đắk Ha	1,00	1.000	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông
5	Trụ sở HĐND-UBND xã Đắk Som	Đắk Som	0,40	500	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông
6	Trường THPT Dak Glong (giai đoạn 3)	Quảng Khê	1,20	1.500	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Thông báo số 49/TB-HĐND ngày 28/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
VII Huyện Đắk R'lấp			98,93	148.350			
1	Dự án đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (khu vực bị sạt lở)	Các xã trên địa bàn huyện	1,50	2.250	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	Giải quyết thu hồi đất các hộ dân nằm trong khu vực sạt lở
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông (Tuyến đường vận tải từ năm thứ 4 đến năm thứ 6).	xã Nghĩa Thắng, xã Đắk Wer	5,00	7.500	Điểm d, khoản 3, Điều 62	Vốn Tập đoàn than khoáng sản	Tập đoàn than khoáng sản đăng ký thực hiện theo kế hoạch
3	Trụ sở HĐND - UBND huyện Đắk R'lấp	TT Kiến Đức	1,40	2.100	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 và Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh
4	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8, xã Kiến Thành	TT Kiến Đức, xã Kiến Thành	4,00	6.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện

5	Dường giao thông liên xã Quảng Tín - Đăk Ngo huyện Tuy Đức	Xã Quảng Tín	0,50	750	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	TT Kiến Đức	2,00	3.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
7	Dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Đăk Nông	Các xã trên địa bàn huyện	0,20	300	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngành điện lực	Công ty điện lực đăng ký
8	Dự án Điện dân cư số 3	TT Kiến Đức, xã Kiến Thành	82,00	123.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Đã có quy hoạch chi tiết, dự án nhằm kêu gọi đầu tư
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND - UBND, UBNDTTQVN xã Kiến Thành	Xã Kiến Thành	0,83	1.200	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
10	Dường từ Bon Đăk B'lao đi Nông trường Echu Cap, huyện Đăk R'lấp	Xã Kiến Thành, TT Kiến Đức	1,00	1.500	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
11	Dự án Nhà máy điện gió Đăk N'Drưng 1, 2, 3 (hạng mục móng trụ đường dây điện)	Xã Đăk Wer, Nhân Cơ	0,50	750	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Nhà máy điện gió Đăk N'Drưng 1, 2, 3 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/9/2020
VIII	Huyện Tuy Đức		0,20	500			
1	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Quảng Tân	xã Quảng Tân	0,20	500	Điểm a, khoản 3, điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đăk Nông

(Ghi chú: diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần thu hồi đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày tháng năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Nhu cầu chuyên mục đích sử dụng	Loại đất cần chuyển	Căn cứ pháp lý (Luật Đất đai năm 2013)	Ghi chú
I	Huyện Cư Jút					
1	Trung tâm văn hóa thể thao và công viên thiếu nhi huyện Cư Jút	Thị trấn Ea Tling	0,25	Đất lúa 01 vụ	Điều b Khoản 1 Điều 58	
2	Mở rộng Chi Cục thuế huyện	Thị trấn Ea Tling	0,2	Đất lúa 01 vụ	Điều b Khoản 1 Điều 58	
3	Dự án Nhà máy điện mặt trời Ea Tling	Thị trấn Ea Tling, xã Trúc Sơn	2,9	Đất lúa 01 vụ	Điều b Khoản 1 Điều 58	
4	Dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Knia	Thị trấn Ea Tling, xã Trúc Sơn, xã Cư Knia	1,6	Đất lúa 01 vụ	Điều b Khoản 1 Điều 58	

5	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 03	xã Đắk Wil	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
II Huyện Đắk Song						
1	Chốt dân quân thường trực xã Thuận Hạnh	xã Thuận Hạnh	2,04	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
III Huyện Tuy Đức						
1	Lô cốt 1A-95	xã Quảng Trục	0,0746 0,0803 0,0271	Đất rừng Phòng hộ Đất rừng Phòng hộ Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58 Điểm b Khoản 1 Điều 58 Điểm b Khoản 1 Điều 58	Công văn số 1000/BCH-TM ngày 29/9/2020 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Tuy Đức
2	Chốt chiến đấu dân quân thường trực	xã Quảng Trục	0,55	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
3	Khu sơ tán bí mật	xã Quảng Trục	0,06	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 04	xã Đắk Búk So	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
IV Huyện Đắk Glong						
1	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 02	Khoảnh 4, Tiểu khu 1716, xã Đắk Hạ	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 03	Khoảnh 7, Tiểu khu 1697, xã Đắk Hạ	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	

3	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 01	Khoảnh 4, Tiểu khu 1792, xã Đắk Som	0,25	Đất rừng Đặc dụng	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 05 (Trạm Tây Sơn)	Khoảnh 2, Tiểu khu 1757, xã Đắk Som	0,25	Đất rừng Đặc dụng	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
5	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 08	Khoảnh 5, Tiểu khu 1657, xã Quảng Sơn	0,04	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
6	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 01	Khoảnh 2, Tiểu khu 1752, xã Đắk R'măng	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
7	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 02	Khoảnh 1, Tiểu khu 1721, xã Đắk R'măng	0,25	Đất rừng Phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	

(Chú thích: diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần thu hồi đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP SANG NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2020 của HĐND tỉnh)

A. CÁC DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG

Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Nguồn vốn	Ghi chú
TỔNG TOÀN TỈNH		3.431,73	5.082.698	
I Thành phố Gia Nghĩa		1.420,56	3.848.468	
1 Dự án Trạm biến áp 110kv Gia Nghĩa và đầu nối	Phường Nghĩa Trung, Nghĩa Phú, Nghĩa Tân, xã Đắk Nĩa	1,00	1.000	Vốn ngành điện
2 Hội trường các tổ dân phố	Các phường, xã	0,40	800	Ngân sách thành phố
3 Mở rộng trường THCS Lê Hồng Phong	Phường Nghĩa Thành	0,60	4.100	Ngân sách thành phố
4 Tiểu dự án giảm cường độ phát tải trong cung cấp nước lượng tỉnh Đắk Nông (diện tích chiếm đất vĩnh viễn)	Xã Đắk Nĩa, xã Đắk R'moan	0,01	200	Vốn ngành điện
5 Taluy bảo vệ đường Võ Văn Kiệt (hành lang an toàn công trình đường Võ Văn Kiệt)	Phường Nghĩa Trung	0,06	100	Ngân sách thành phố
6 Đầu tư sân xuất và chế biến nông nghiệp tập	xã Đắk Nĩa	10,00	12.000	Vốn ngoài ngân sách
7 Khu dân cư đường Quang Trung tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	2,95	1.770	Ngân sách thành phố
8 Dự án kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Phú	55,00	72.144	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
9 Hồ Gia Nghĩa (cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa giai đoạn 2)	thành phố Gia Nghĩa	63,50	378.000	Trái phiếu chính phủ

10	Trường cao đẳng cộng đồng (quy mô mở rộng quy hoạch)	Phường Nghĩa Trung	5,00	15.700	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh	
11	Tuyến nhánh Kết nối đường tránh đô thị Gia Nghĩa (thuộc dự án đường Bắc Nam giai đoạn 2 từ Km 1+900 đến Km 4+300)	Phường Nghĩa Trung	12,00	70.000	Vốn từ đường tránh đô thị Gia Nghĩa chuyển sang	
12	Đường Tô Hiến Thành (nội trung tâm Tx Gia Nghĩa đến đường Quang Trung)	Phường Nghĩa Tân	1,00	7.300	Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố	
13	Đường bờ Tây Hồ trung tâm và khu tái định cư	Phường Nghĩa Thành	17,00	45.300	Ngân sách trung ương	
14	Đường bờ Đông hồ trung tâm	Phường Nghĩa Đức	34,00	43.000	Ngân sách trung ương	
15	Nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch	xã Đắk Nĩa	4,00	4.000	Vốn đối ứng trong nước	
16	Khu đô thị mới số 01 dọc đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Trung	17,74	40.000	Vốn ngoài ngân sách	
17	Khu đô thị mới số 2, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	87,62	140.000	Vốn ngoài ngân sách	
18	Khu đô thị mới số 6, khu vực Sùng Đức	Phường Nghĩa Tân	25,47	60.000	Vốn ngoài ngân sách	
19	Khu đô thị mới số 3, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	47,77	90.000	Vốn ngoài ngân sách	
20	Khu đô thị mới số 5, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	19,08	40.000	Vốn ngoài ngân sách	
21	Khu đô thị mới Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	44,68	100.000	Vốn ngoài ngân sách	
22	Chợ và khu dân cư Sùng Đức, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	7,10	28.000	Vốn ngoài ngân sách	
23	Phân lô TĐC đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Trung	0,08	2.000	Ngân sách tỉnh	
24	Khu đô thị mới số 3, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	48,00	100.000	Vốn ngoài ngân sách	
25	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê, tỉnh Đắk Nông	thành phố Gia Nghĩa	55,00	41.500	Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác	
26	Trường tiểu học phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	1,00	1.000	Ngân sách thành phố	
27	Trường THCS phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	2,00	2.000	Ngân sách thành phố	
28	Trường Mầm non Nghĩa Tân	Phường Quảng Thành	1,00	1.000	Ngân sách thành phố	

29	Trường Mầm non xã Đắk Nĩa	Xã Đắk Nĩa	1,00	1.000	Ngân sách thành phố	
30	Trạm y tế phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,40	2.000	Nguồn vốn tài trợ ADB	
31	Nâng cấp cải tạo đường Chu Văn An, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Thành	0,45	12.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
32	Đường vào trường tiểu học phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	0,15	350	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
33	Hạ tầng công viên Hồ Thiên Nga	Phường Nghĩa Thành	29,49	40.000	Ngân sách tỉnh, thành phố và vốn ngoài ngân sách	
34	Mở rộng Giáo xứ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	0,60	2.000	Ngân sách tỉnh	
35	Khu đô thị mới bờ đông hồ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	243,00	480.000	Vốn ngoài ngân sách	
36	Công viên văn hóa kết hợp du lịch sinh thái thác Liêng Nung	Xã Đắk Nĩa	330,00	500.000	Vốn ngoài ngân sách	
37	Khu đô thị mới tổ 1, phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	1,00	5.000	Vốn ngoài ngân sách	
38	Công trình chống quá tải lưới điện khu vực thành phố Gia Nghĩa	Trên địa bàn thành phố	0,30	2.000	Vốn ngành điện	
39	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố	Phường Nghĩa Trung, Phường Nghĩa Phú, xã Đắk Nĩa	0,20	2.000	Vốn ngành điện	
40	Xây dựng hệ thống cửa xả thoát nước tại km 839+100 (bên phải tuyến) thôn Tân Lập, xã Quảng Thành thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thuộc dự án: Nâng cấp mở rộng QL 14 đoạn km 817-Km887 theo hình thức BOT	Xã Quảng Thành	0,04	200	Vốn ngoài ngân sách	
41	Khu đô thị mới tổ dân phố 6, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	44,00	100	Vốn ngoài ngân sách	
42	Sửa chữa, cải tạo đường vào trường THCS Trần Phú (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường bờ tây Hồ Trung tâm), phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,75	6.304	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	

43	Hoa viên xã Quảng Thành	Phường Quảng Thành	0,04	800	Ngân sách thành phố	
44	Khu đô thị mới tổ 4, phường Nghĩa Đức (Khu đô thị mới Center City)	Phường Nghĩa Đức	70,76	177.000	Vốn ngoài ngân sách	
45	Khu đô thị mới dọc tuyến nhánh kết nối đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Nghĩa Tân, Nghĩa Trung	63,00	160.000	Vốn ngoài ngân sách	
46	Sửa chữa nâng cấp đường Ngô Mây (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến tiếp giáp với đường vào khu đất đào nôi Hồ Gia Nghĩa), phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,75	8.800	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
47	Nâng cấp cải tạo đường vào Nghĩa Trang Nhân dân thành phố Gia Nghĩa	Xã Đắk Nĩa	0,75	1.500	Ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
48	Hạ tầng khu dân cư và du lịch sinh thái tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	11,00	40.000	Nhà đầu tư ứng tiền	
49	Khu đô thị mới tổ dân phố 2 phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	6,91	15.000	Vốn ngoài ngân sách	
50	Di dời nghĩa địa tổ dân phố 2, phường Nghĩa Phú (bùng bình Hồ Đại La)	Phường Nghĩa Phú	1,60	8.000	Ngân sách thành phố	
51	Khu đô thị mới tổ dân phố 1, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	33,00	120.000	Vốn ngoài ngân sách	
52	Trường mầm non Tân Lập Thành (mở rộng)	Phường Nghĩa Trung	0,50	1.000	Ngân sách thành phố	
53	Chợ phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	5,00	794.000	Vốn ngoài ngân sách	
54	Chợ xã Đắk Nĩa	xã Đắk Nĩa	2,00	150.000	Vốn ngoài ngân sách	
55	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020	Phường Quảng Thành	0,10	200	Vốn ngành điện	
56	Dự án thủy điện Bảo Lâm	Xã Đắk Nĩa	4,90	5.000	Vốn ngoài ngân sách	
57	Dường từ thôn Nghĩa Tín, xã Quảng Thành đi phường Nghĩa Đức (giai đoạn 2)	Phường Nghĩa Đức	1,85	4.800	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	

58	Nâng cấp, mở rộng đường giao với đường giao với đường N'Trang Long đi khu tái định cư đồi Đăk Nur A, phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	2.25	3.500	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
59	Dự án Khu liên hợp Bảo tàng, thư viện và công viên tỉnh Đăk Nông (mở rộng)	Phường Nghĩa Đức	1,70	5.000	Ngân sách tỉnh	
II Huyện Đăk Mil			68,60	52.400		
1	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đăk Mil	Thị trấn Đăk Mil	2,00	3.000	Ngân sách Trung ương	
2	Hồ thủy lợi Đăk Kio Ou	Xã Đăk Lao	16,50	15.000	Ngân sách Trung ương	
3	Hồ Đăk Loou	Xã Đăk Lao	1,20	1.000	Ngân sách tỉnh	
4	Thủy điện Đăk Sôr 4	xã Đăk RL.a, xã Đăk Găn	34,70	24.000	Vốn ngoài ngân sách	
5	Nâng cấp đường Nơ Trang Long	Thị trấn Đăk Mil	1,00	2.000	Ngân sách huyện	
6	Bãi rác tập trung huyện Đăk Mil	Xã Đăk Lao	12,00	5.000	Ngân sách tỉnh	
7	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020	Huyện Đăk Mil	1,00	2.000	Ngân sách Trung ương	
8	Đường liên xã Đăk Lao - Thuận An (Hạng mục: muơng thu gom nước và hạ lưu cống xã)	Xã Đăk Lao	0,20	400	Ngân sách huyện	
III Huyện Đăk Song			259,00	165.330		
1	Đường giao thông tổ dân phố 3, thị trấn Đức An (Phía Nam)	Thị trấn Đức An	0,38	500	Ngân sách huyện	

2	Đường giao thông liên xã Nam Bình – Thuận Hạnh	Các xã: Nam Bình Thuận Hạnh	0,50	1.000	Ngân sách tỉnh	
3	Nhà văn hóa Thuận Hà, huyện Đắk Song	Xã Thuận Hà	0,20	600	Ngân sách huyện	
4	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song	Xã Năm N'Jang	0,14	230	Ngân sách Trung ương (vốn vay WB), Ngân sách tỉnh, Ngân sách huyện đối ứng 10%	
5	Nhà máy điện gió Đắk N'Drưng 1,	Xã Đắk N'Drưng, Năm N'Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,50	40.000		
6	Nhà máy điện gió Đắk N'Drưng 2	Xã Đắk N'Drưng, Năm N'Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,80	40.000		
7	Nhà máy điện gió Đắk N'Drưng 3	Xã Đắk N'Drưng, Năm N'Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,65	40.000	Vốn ngoài ngân sách	
8	Nhà máy điện gió Asia Đắk Song 1	Xã Nam Bình	22,70	15.000		
9	Nhà máy điện gió Nam Bình 1	Xã Nam Bình	19,50	13.000		
10	Nhà máy điện gió Đắk Hòa	Xã Đắk Hòa	21,63	15.000		
IV	Huyện Krông Nô		234,98	89.005		
1	Chính trang khu dân cư đô thị	Thị trấn Đắk Mâm	3,00	3.000	Ngân sách huyện	
2	Chính trang khu dân cư nông thôn	xã Nam Xuân	1,50	600	Ngân sách huyện	

3	Chợ xã	xã Nam Xuân	0,50	200	Ngân sách huyện	
4	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho các hộ bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	xã Đức Xuyên	6,80	4.500	Ngân sách tỉnh	
5	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắk Drô	xã Nam Đà, xã Đắk Drô	3,60	1.000	Ngân sách tỉnh	
6	Cải tạo và phát triển lưới điện trung áp khu vực trung tâm huyện, thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông	các xã trên địa bàn huyện, thành phố	0,25	300	Vốn ngành điện	
7	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán (Dự án Trạm bơm Buôn Chơáh 2, 5; Trạm bơm Đắk Rền 1A, 2, 3, 4, 5	Trên toàn huyện	7,25	4.460	Ngân sách TW	
8	Cống, rãnh thoát nước từ Đài truyền thanh xuống đường Quang Trung và đến hệ thống cống thoát nước đường Kim Đồng (N4.1)	thị trấn Đắk Mâm	0,40	300	Ngân sách huyện	
9	Rãnh thoát nước tại hạ lưu cống Km số 281+550 và Km số 281+945 quốc lộ 28 (đoạn qua địa bàn Năm N'Dir, huyện Krông Nô)	Năm N'Dir	0,19	200	Ngân sách huyện	
10	Mở rộng bãi rác	thị trấn Đắk Mâm	5,00	4.000	Ngân sách huyện	
11	Thủy điện Đắk Sôr 4	xã Nam Xuân	18,00	10.000	Vốn ngoài ngân sách	
12	Mở rộng trạm Y tế xã Năm N'Dir	xã Năm N'Dir	0,04	100	Ngân sách huyện	

13	Hồ chứa nước Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông (hệ thống kênh/đường ống)	huyện Krông Nô	20,20	23.000	Vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác	
14	Kè bảo vệ dân cư và vùng trồng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô	xã Nam N'Dir	6,50	5.000	Ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác	
15	Ôn định dân di cư tự do xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.	xã Quảng Phú	6,00	4.500	Ngân sách Trung ương	
16	Công trình cấp nước xã Quảng Phú - Đắk Nang	xã Đắk Nang	0,20	195	Vốn WB và vốn tỉnh	
17	Hội trường thôn Đắk Thanh	xã Nam Xuân	0,15	150	Ngân sách xã và nhân dân đóng góp	
18	Hoàn thiện lưới điện trung áp 110 Kv Krông Nô	thị trấn Đắk Mâm, xã Nam Xuân, xã Tân Thành	0,10	100	Vốn ngành điện	
19	Kè chống sạt lở Đắk Nang	xã Đắk Nang	1,50	1.000	Ngân sách Trung ương	
20	Dự án nhà máy điện mặt trời Xuyên Hà	xã Đức Xuyên	148,70	23.000	Vốn ngoài ngân sách	
21	Trung tâm xã Đức Xuyên	xã Đức Xuyên	2,60	2.200	Ngân sách huyện	
22	Sân vận động xã	xã Quảng Phú	1,50	200	Ngân sách huyện	
23	Nâng cấp đường tỉnh lộ 4 (QL.28) đoạn nội thị trấn Đắk Mâm và đoạn nối dài, huyện Krông Nô	thị trấn Đắk Mâm, xã Nam Đà	1,00	1.000	Ngân sách Trung ương	
V	Huyện Cư Jút		371,40	109.700		

1	Đường giao thôn tổ dân phố 7, 8, thị trấn Ea Tling	thị trấn Ea Tling	0,50	425	Ngân sách huyện	
2	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn, Cư Knia, Đắk Drông	xã Trúc Sơn, xãCư Knia, xã Đắk Drông	3,07	1.995	Ngân sách trung ương	
3	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	xã Ea Pô	10,00	2.000	Ngân sách trung ương	
4	Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea Tling	thị trấn Ea Tling	11,65	14.500	Ngân sách huyện	
5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng xã Trúc Sơn	xã Trúc Sơn	3,00	2.000	Ngân sách huyện	
6	Đất tôn giáo trên địa bàn huyện	Toàn huyện	3,00	1.000	Ngân sách huyện	
7	Khu nhà ở xã hội tại Tổ dân phố 7,8 thị trấn Ea Tling	thị trấn Ea Tling	9,85	7.200	Vốn ngoài ngân sách	
8	Đường bên cạnh trường Nguyễn Tất thành (mới) đi Ngã 3 thôn 5 (cây xăng Anh Tuấn)	xã Nam Dong	0,70	595	Ngân sách huyện	
9	Đường từ đường vào UBND xã Nam Dong (mới) đi đến ngã 4 bên cạnh nhà thờ xã Nam	xã Nam Dong	1,60	1.360	Ngân sách huyện	
10	Đường nội thị trấn Ea Tling theo quy hoạch đồ thị Ea Tling đến năm 2030	thị trấn Ea Tling	7,50	5.850	Ngân sách huyện	
11	Đất xây dựng hạ tầng y tế	thị trấn Ea Tling	5,53		Vốn ngoài ngân sách	
12	Khu dân cư tập trung chợ xã Đắk Drông	xã Đắk Drông	1,50	675	Ngân sách huyện	
13	Mở rộng Nghĩa địa thôn 3 xã Đắk Wil	xã Đắk Wil	2,00	700	Ngân sách huyện	
14	Trung tâm văn hóa thể thao và công viên thiếu nhi huyện Cư Jút	Thị trấn Ea Tling	2,00	2.400	Ngân sách huyện	
15	Dự án điện mặt trời thị trấn Ea Tling	xãTrúc Sơn, Thị trấn Ea Tling	92,50	28.000	Vốn ngoài ngân sách	
16	Dự án điện mặt trời Cư Knia	xã Trúc Sơn, xã Cư Knia, thị trấn Ea	217,00	41.000	Vốn ngoài ngân sách	
VI	Huyện Đắk Glong		19,35	21.800		

1	Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	xã Đắk Ha	0,69	500	Ngân sách huyện	
2	Chợ trung tâm Đắk Nang (xã Đắk Som)	xã Đắk Som	1,20	700	Ngân sách huyện	
3	Tái định cư xen ghép	xã Dak Som	5,00	1.500	Vốn ngành điện	
4	Đường vào Ngân hàng chính sách huyện	xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
5	Đường vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
6	Đường vào Chi cục thuế huyện Đắk Glong	xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
7	Các trục đường khu Trung tâm hành chính huyện Đắk Glong	xã Quảng Khê	12,00	18.000	Ngân sách Trung ương	
8	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	xã Quảng Khê	0,16	200	Ngân sách huyện	
VII Huyện Đắk R'lấp			483,58	729.500		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7, năm thứ 8)	huyện Đắk R'lấp	189,57	285.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
2	Dự án xây dựng công trình Khoang số 3 hồ bùn đỏ phục vụ duy trì sản xuất nhà máy Alumin Nhân Cơ	Xã Nhân Đạo	10,00	15.000	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
3	Bãi xử lý rác thải sinh hoạt huyện Đắk R'lấp	Xã Đạo Nghĩa	18,20	27.000	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
4	Nhà ở xã hội huyện Đắk R'lấp	Xã Nhân Cơ	10,00	15.000	Vốn ngoài ngân sách	
5	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014-2020	Huyện Đắk R'lấp	1,00	1.500	Vốn ngoài ngân sách	
6	Dự án Tái định cư	Huyện Đắk R'lấp	20,00	30.000		

7	Dự án đường nội thị thị trấn Kiến Đức	Huyện Đắk R'lấp	2,00	3.000	Vốn ngân sách huyện	
8	Dự án đập hồ thải bùn sau tuyển rửa quặng số 2, phục vụ nhà máy Alumin Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp	200,00	300.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
9	Dự án đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành, xã Nhân Cơ, xã Nhân Đạo	7,50	15.000	Vốn ngân sách tỉnh	
10	Dự án Thủy điện Đắk R'Keh	Xã Hưng Bình, xã Đắk Sin	21,00	31.500	vốn ngoài ngân sách	
11	Dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp, trung tâm huyện I, thị xã thuộc tỉnh Đắk	huyện Đắk R'lấp	0,31	500	Vốn ngân sách huyện	
12	Hạng mục thu hồi xử lý sắt lơ và trồng cây xanh, công trình hồ thải bùn đỏ thuộc dự án Alumin Nhân Cơ	Xã Nhân Cơ, Nhân Đạo	2,50	3.750	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
13	Dự án đầu tư nâng cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia	Huyện Đắk R'lấp	1,00	1.500	Vốn ngành điện lực	
14	Dự án Trạm biến áp 110 kV Gia Nghĩa và đầu nối	Xã Nhân Cơ	0,50	750	Vốn ngành điện lực	
15	Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2	Xã Nhân Cơ	50,00	75.000	Vốn ngoài ngân sách	
VIII	Huyện Tuy Đức		574,27	155.500		
1	Đường vào xã Đắk Ngo	Xã Quảng Tâm, xã Đắk Ngo	10,00	7.000	Ngân sách Trung ương	
2	Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trực (giai đoạn 2)	Xã Quảng Trực	458,41	31.000	Ngân sách Trung ương	
3	Nâng cấp, mở rộng đường QL 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ Km3-Km17 của Tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắk Huyết)	Xã Đắk Buk So- Quảng Trực, huyện Tuy Đức	101,50	100.000	Vốn đối ứng trong nước	

4	Giai phóng mặt bằng phạm vi thương hạ lưu công trình thoát nước và các vị trí tu thủy trên đường tỉnh lộ 1 đoạn qua huyện Tuy Đức	Xã Quảng Tâm - Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức	0,10	250	Ngân sách huyện	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 1 (Hạng mục: xây dựng mương thoát nước)	Xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	1,00	1.500	Ngân sách tỉnh	
6	Đường nối từ Quốc lộ 14C đi trung tâm hành chính huyện Tuy Đức	Xã Đăk Buk So - Quảng Trục, huyện Tuy Đức	2,40	15.000	Ngân sách tỉnh	
7	TBA 110KV Tuy Đức và đầu nối	Xã Đăk Buk So	0,66	500	Vốn ngành điện	
8	Đường giao thông thôn 2, xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức	Xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức	0,20	250	Ngân sách huyện	

B. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Tên công trình	Địa điểm	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng	Loại đất cần chuyển	Căn cứ pháp lý (Luật Đất đai năm 2013)	Ghi chú
I						
1	Huyện Cư Jút					
2	Khu nhà ở xã hội tổ dân phố 7, 8 thị trấn Ea T'ling	Ea T'ling	9	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp
3	Nhà máy sản xuất gạch không nung tại thôn 15, Nam Dong	Nam Dong	2,3	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp
6	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở trong khu dân cư thị trấn	thị trấn Ea T'ling	0,5	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	chuyển tiếp
II						
Huyện Krông Nô						
1	Trung tâm xã Đức Xuyên	xã Đức Xuyên	1,54	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp